

Số: 16/2021/QĐST-DS

Tây Hòa, ngày 30 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: 1. Ông X – sinh năm 1962;

2. Bà M - sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, Phú Yên.

- *Bị đơn*: 1. Bà P - sinh năm: 1945; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, Phú Yên;

2. Bà Đ – sinh năm: 1935, Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông T - sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (*Văn bản ủy quyền ngày 05/5/2020*).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên ông Y có 02 người vợ là bà C, bà L, có 02 con ruột là Đ, P và 01 người con nuôi là B.

Ông Y, bà L có 01 thửa đất vườn (*Đám rau muống*), thuộc thửa 382, tờ bản đồ số 9 -D, hiện nay là thửa 1379. Thửa đất này sau đó đã được cấp theo Nghị định 64/CP cho hộ bà L gồm 02 khẩu là bà L và ông B.

Ông Y, bà C, bà L, ông B đều đã chết; bà P, bà Đ là người thừa kế của những người nói trên. Ngày 05/10/2010, bà P lập Hợp đồng bằng giấy viết tay chuyển nhượng thửa đất nói trên cho vợ chồng ông X, bà M.

Nay, các bên thống nhất, cụ thể như sau:

- Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/10/2010 giữa bà P và ông X có hiệu lực pháp luật:

Giao cho vợ chồng ông X, bà M được quyền sử dụng thửa đất số 382, tờ bản đồ số 9 –D (*đo đạc năm 1996*), đo đạc năm 2016 là thửa 752, tờ bản đồ số 12, hiện nay là thửa 1379, diện tích: 262m² đất BHK, tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T, tỉnh

Phú Yên; có giới cận: phía tây giáp đường đi; phía nam giáp đất ông V và đường đi; phía đông giáp ruộng; phía bắc giáp đường, đường giáp kênh mương. Đất hiện đang đứng tên bà L. *(Có Sơ đồ kèm theo)*.

Ông X, bà M có trách nhiệm liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai theo quy định.

- Ông X, bà M có trách nhiệm trả cho bà P số tiền: 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*, trả cho bà Đ số tiền: 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*; ông X, bà M đã trả xong.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông X, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về quyền sử dụng đất: 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà ông X đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng số 0001855 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoàn lại cho ông X: 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

2.3. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí 2.400.000đ *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Thống nhất vợ chồng ông X, bà M chịu: 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*; bà Đ, bà P, mỗi người chịu: 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng)*. Ông X, bà M, bà Đ, bà P đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huệ